

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN**

# CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN

## MỤC LỤC

	Trang
<b>Báo cáo Ban Giám đốc</b>	<b>01 - 04</b>
<b>Báo cáo kiểm toán</b>	<b>05</b>
<b>Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty Cổ phần đầu tư và vận tải dầu khí</b>	
<b>Vinashin và công ty con</b>	<b>06 - 27</b>
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	06 - 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 - 11
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	12 - 27
<b>Phụ lục Báo cáo tài chính Công ty Cổ phần đầu tư và vận tải dầu khí</b>	
Phụ lục 01: Bảng cân đối kế toán	28 - 30
Phụ lục 02: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	31

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám Đốc trân trọng đệ trình bản báo cáo này cùng các Báo cáo Tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Dầu khí Vinashin và công ty con, dưới đây gọi là Công ty, cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

**1. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Thành viên Hội Đồng Quản Trị và Ban điều hành của công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
<i>Hội Đồng Quản Trị</i>			
Ông Lưu Quyết Thắng	Chủ tịch	31 tháng 03 năm 2008	-
Ông Nguyễn Duy Hùng	Ủy viên	09 tháng 08 năm 2002	-
Ông Đỗ Văn Phêch	Ủy viên	12 tháng 08 năm 2005	-
Bà Nguyễn Thị Phương Uyên	Thành viên	04 tháng 06 năm 2008	-
Ông Bùi Thạch Sơn	Thành viên	29 tháng 06 năm 2009	-
Bà Trần Thị Phương Loan	Thành viên	04 tháng 06 năm 2008	29 tháng 06 năm 2009
<i>Ban kiểm soát</i>			
Ông Lưu Văn Hợp	Trưởng ban	09 tháng 08 năm 2002	-
Bà Phan Hồ Giang	Thành viên	04 tháng 06 năm 2008	29 tháng 06 năm 2009
Ông Nguyễn Trung Tín	Thành viên	29 tháng 06 năm 2009	-
Ông Trần Quốc Hùng	Thành viên	29 tháng 06 năm 2009	-
<i>Ban Tổng Giám Đốc</i>			
Ông Nguyễn Duy Hùng	Tổng Giám Đốc	09 tháng 08 năm 2002	-
Ông Bùi Thạch Sơn	Phó Tổng Giám Đốc	31 tháng 01 năm 2005	-
Bà Đinh Thị Hằng Nga	Phó Tổng Giám Đốc	06 tháng 11 năm 2007	-
Bà Nguyễn Thị Hải Tạo	Kế toán trưởng	10 tháng 07 năm 2008	-

**2. CÁC HOẠT ĐỘNG CHÍNH CỦA CÔNG TY VÀ CÔNG TY CON**

**Công ty Cổ phần Vận tải dầu khí Vinashin:** là doanh nghiệp cổ phần hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103001280 ngày 08 tháng 08 năm 2002 do Sở kế hoạch và đầu tư TP. Hà Nội cấp và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 4103002016 ngày 30 tháng 12 năm 2003 và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Sở kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty:

- Đầu tư xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

- Hoạt động vận tải trên các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế
- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí
- Cung cấp vật tư thiết bị máy móc tổng hợp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng
- Đại lý khai thác dịch vụ và hoa tiêu hàng hải
- Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển
- Môi giới hàng hải
- Cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển
- Sang chiết gas
- Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, cầu cảng, kho bãi
- Môi giới bất động sản, kinh doanh nhà
- Kinh doanh dịch vụ lễ hành nội địa, quốc tế
- Hoạt động các câu lạc bộ thể hình, nhịp điệu, bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, sân gôn, quần vợt
- Kinh doanh câu lạc bộ giải trí, trò chơi điện tử, hồ bơi, câu cá, bãi biển (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh)
- Phá dỡ tàu cũ, mua bán sắt thép phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở)
- Dịch vụ giao nhận hàng hóa
- Kinh doanh nhà hàng, ăn uống, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở)
- Đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm
- Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng
- Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh (trừ tư vấn tài chính, kế toán)
- Lập dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế kỹ thuật.

**Công ty TNHH một thành viên kinh doanh dầu khí phương Bắc Vinashin:** là công ty con với 100% vốn của công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000429 ngày 16 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính của công ty con là sản xuất dầu mỏ tinh chế, các sản phẩm khí đốt hoá lỏng; đại lý gas và bán buôn xăng dầu, khí đốt hoá lỏng; vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

**Công ty TNHH một thành viên vận tải biển Nam Việt:** là công ty với 100% vốn của công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005100 ngày 18 tháng 06 năm 2008 do Sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.

Ngày 15 tháng 08 năm 2008, công ty được công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin tiến hành bàn giao vốn và chính thức đi vào hoạt động.

Hoạt động chính của công ty là vận tải các sản phẩm hoá dầu bằng tàu biển, xe chuyên dùng; vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hoá bằng đường bộ, viễn dương, thủy nội địa; đại lý tàu biển hàng hải; dịch vụ vận tải đường thủy, sửa chữa và bảo hành phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ).

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

---

Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd.: là công ty với 70% vốn của công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin, được chấp nhận theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 275/BKH-ĐTRNN ngày 03 tháng 09 năm 2009 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.

Địa chỉ: Tầng 25 toà nhà JTC Summit HQ Building, 8 Jurong Town Hall Road, Singapore 609434.

Thời gian đầu tư là 50 năm, trong đó, tháng thứ 1 và tháng thứ 2 hoàn thành thủ tục đầu tư và chuẩn bị văn phòng, tháng thứ 3 bắt đầu triển khai hoạt động tại Singapore.

### 3. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31/12/2009

Ban Tổng Giám Đốc nhất trí với các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm Toán và Dịch Vụ Tin Học TP. HCM (AISC)

- Lỗ: 359.595.102.457 VNĐ

### 4. KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học TP.HCM (AISC) được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 của công ty.

### 5. CAM KẾT CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý các Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau:

- Trước khi các báo cáo tài chính của Công ty được lập, Ban Tổng Giám đốc đã tiến hành những bước cần thiết để đảm bảo rằng giá trị sổ sách của bất kỳ tài sản lưu động nào của Công ty đã được xác định phù hợp với giá trị thực tế của tài sản vào thời điểm kết thúc niên độ.
- Không có bất kỳ sự kiện hay trường hợp bất thường nào xảy ra kể từ ngày kết thúc niên độ đến thời điểm lập báo cáo này có thể dẫn đến sự hiểu nhầm về các số liệu trình bày trong các báo cáo tài chính của Công ty.
- Không có một thế chấp nào bằng tài sản của Công ty kể từ cuối năm tài chính để đảm bảo cho những khoản nợ của bất kỳ cá nhân nào khác.
- Không có một khoản nợ ngoài dự kiến nào hay một khoản nợ nào khác của Công ty sẽ hay có thể làm ảnh hưởng một cách nghiêm trọng đến khả năng thực hiện nghĩa vụ của Công ty, khi các khoản nợ này đến hạn trả hay khi Công ty bị bắt buộc phải trả hoặc có thể bị bắt buộc phải trả trong thời hạn mười hai tháng sau khi kết thúc năm tài chính.
- Các hoạt động trong năm của Công ty được phản ánh trên báo cáo tài chính không có khả năng bị ảnh hưởng một cách nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ, sự kiện có bản chất trọng yếu bất thường nào đã phát sinh cho đến ngày lập báo cáo này.
- Trong trường hợp cần thiết, các thông tin cần công bố được giải trình trong phần thuyết minh báo cáo tài chính.
- Lựa chọn các chính sách kế toán được thích hợp và áp dụng một cách nhất quán, các ước tính được đánh giá hợp lý và thận trọng.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

---

- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

**7. XÁC NHẬN**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, chúng tôi nhận thấy rằng các Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.



Thay mặt Ban Tổng giám đốc *(Signature)*

**NGUYỄN DUY HÙNG**

**Tổng Giám Đốc**

TP.HCM, Ngày 19 tháng 03 năm 2010



Số: 0709285 /AISC-DNIN

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT  
CHO NIÊN ĐỘ KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009  
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ  
CÔNG TY CON**

**Kính gửi: Hội Đồng Quản Trị**

**Ban Tổng Giám Đốc**

**Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Dầu khí Vinashin**

Chúng tôi đã kiểm toán các Báo cáo Tài chính hợp nhất gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo Tài chính hợp nhất cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, được lập ngày 12 tháng 03 năm 2010 của Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Dầu khí Vinashin và công ty con từ trang 06 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày các Báo cáo Tài chính hợp nhất này thuộc về trách nhiệm của Ban Tổng Giám Đốc Công ty.

Trách nhiệm của kiểm toán viên là căn cứ vào việc kiểm toán, để hình thành một ý kiến độc lập về các Báo cáo Tài chính hợp nhất này.

**Cơ sở ý kiến**

Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và những chuẩn mực kiểm toán quốc tế được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để có sự đảm bảo hợp lý rằng các Báo cáo Tài chính hợp nhất không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu.

Trên căn bản áp dụng các thử nghiệm cần thiết, kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu, cuộc kiểm toán bao gồm việc xem xét các chứng cứ liên quan đến số liệu và công bố trên Báo cáo Tài chính hợp nhất; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá về những ước lượng và những xét đoán quan trọng đã được thể hiện bởi Ban Tổng Giám Đốc Công ty cũng như việc trình bày tổng thể các Báo cáo Tài chính hợp nhất.

Chúng tôi đã lập kế hoạch và hoàn thành cuộc kiểm toán để đạt được tất cả các thông tin và các giải trình cần thiết. Chúng tôi tin rằng việc kiểm toán đã cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

**Ý kiến của kiểm toán viên**

Theo quan điểm của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, các Báo cáo Tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty và công ty con vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 cũng như Kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty và công ty con cho niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán viên

**Phạm Thị Hồng Uyên**  
Chứng chỉ KTV số: 0794/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 03 năm 2010



Tổng Giám Đốc

**Phạm Văn Vinh**  
Chứng chỉ KTV số: Đ0112/KTV  
Do Bộ Tài Chính Việt Nam cấp.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>773.997.237.879</b>	<b>1.095.802.550.430</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>10.197.321.935</i>	<i>195.500.479.599</i>
1. Tiền	111		10.197.321.935	195.500.479.599
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>		<i>-</i>	<i>47.500.000.000</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	47.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.2</i>	<i>688.841.783.152</i>	<i>706.465.024.159</i>
1. Phải thu khách hàng	131		22.803.653.537	20.106.483.851
2. Trả trước cho người bán	132		655.561.233.620	666.249.943.910
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	138		16.476.895.995	26.108.596.398
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.3</i>	<i>49.488.286.472</i>	<i>97.753.301.573</i>
1. Hàng tồn kho	141		49.488.286.472	99.870.831.603
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(2.117.530.030)
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	<i>V.4</i>	<i>25.469.846.320</i>	<i>48.583.745.099</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.972.352.142	2.050.713.282
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		21.581.165.744	41.583.539.260
3. Các khoản thuế phải thu	154		-	1.982.726.771
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		1.916.328.434	2.966.765.786
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.690.711.024.096</b>	<b>2.786.180.988.195</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>11.680.000</i>	<i>6.180.000</i>
1. Phải thu dài hạn khác	213		11.680.000	6.180.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>2.583.391.609.807</i>	<i>2.728.130.127.057</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.5.1</i>	2.070.533.367.003	2.278.678.396.070
- Nguyên giá	222		2.511.402.304.057	2.565.890.008.300
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(440.868.937.054)	(287.211.612.230)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.5.2</i>	6.475.722.200	17.654.972.178
- Nguyên giá	228		10.487.000.000	21.512.171.263
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.011.277.800)	(3.857.199.085)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>V.6</i>	506.382.520.604	431.796.758.809



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ Thuyết minh	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>6.280.927.116</b>	<b>1.643.427.116</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	4.637.500.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	1.643.427.116	1.643.427.116
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259	-	-
<b>V. Lợi thế thương mại</b>	<b>260</b>	-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>270</b>	<b>101.026.807.173</b>	<b>56.401.254.022</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	271	97.245.622.120	55.895.754.022
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272	3.781.185.053	500.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	278	-	5.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b><u>3.464.708.261.975</u></b>	<b><u>3.881.983.538.625</u></b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.284.374.830.547</b>	<b>2.256.300.636.004</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>451.532.241.130</i>	<i>882.624.342.275</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.7	288.340.572.338	156.077.857.660
2. Phải trả cho người bán	312	V.8	96.710.156.904	676.937.138.836
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9	1.172.013.093	210.475.258
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	10.883.613.612	20.586.594.074
5. Phải trả công nhân viên	315		7.649.374.193	6.357.584.992
6. Chi phí phải trả	316	V.11	42.343.670.010	14.009.551.171
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	4.432.840.980	8.445.140.284
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>1.832.842.589.417</i>	<i>1.373.676.293.729</i>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.12	58.710.469.010	56.683.747.721
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1.774.097.506.622	1.316.929.036.554
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		34.613.785	63.509.454
<b>B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.180.333.431.428</b>	<b>1.542.247.695.819</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.14</i>	<i>1.172.694.136.921</i>	<i>1.495.994.393.396</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.844.890.000	158.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.045.600.000.000	1.045.600.000.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.380.796.407	31.380.796.407
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	30.356.956.851
5. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(285.131.549.486)	229.956.640.138
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	<i>430</i>		<i>7.639.294.507</i>	<i>46.253.302.423</i>
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		7.639.294.507	46.253.302.423
<b>CLỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>83.435.206.802</b>
1. Lợi ích của cổ đông thiểu số			-	83.435.206.802
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.464.708.261.975</b>	<b>3.881.983.538.625</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2009	Năm 2008
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	512.612.699.657	1.622.979.378.442
2. Các khoản giảm trừ	02		-	89.386.509
3. Doanh thu thuần	10		512.612.699.657	1.622.889.991.933
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	758.711.029.218	1.091.443.290.062
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		(246.098.329.561)	531.446.701.871
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	85.858.320.117	27.917.575.315
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	161.851.164.342	164.055.501.637
Trong đó: chi phí lãi vay	23		141.088.448.070	136.423.998.506
8. Chi phí bán hàng	24		28.237.595.835	13.218.043.471
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		24.555.894.304	33.623.149.297
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(374.884.663.925)	348.467.582.781
11. Thu nhập khác	31		19.202.629.852	62.997.330.726
12. Chi phí khác	32		7.024.217.583	65.209.925.716
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		12.178.412.269	(2.212.594.990)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(362.706.251.656)	346.254.987.791
15. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		170.035.854	45.013.860.867
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.281.185.053)	2.203.122.351
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(359.595.102.457)	299.038.004.573
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		-	1.542.206.802
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	62		(359.595.102.457)	297.495.797.771
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(13.528)	23.454

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TÀO

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(362.706.251.656)	346.254.987.791
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	168.340.040.063	237.030.757.508
- Các khoản dự phòng	03	(2.146.425.699)	2.117.530.030
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	-	8.955.243.919
- Chi phí lãi vay	06	141.088.448.070	136.423.998.506
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn</b>			
3. Lưu động	08	(55.424.189.222)	730.782.517.754
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	24.454.777.452	(32.940.945.065)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	50.382.545.131	(49.243.524.713)
- Tăng, giảm các khoản phải trả ( không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(594.420.151.359)	(588.383.840.754)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(41.271.506.958)	(26.474.613.202)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(130.852.864.579)	(114.141.899.609)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(11.590.251.843)	(38.855.224.834)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.026.721.289	83.395.206.713
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(117.719.828.299)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>(874.414.748.388)</b>	<b>(35.862.323.710)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(9.072.886.289)	(2.132.876.648.143)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	-	52.547.287.774
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán các công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(4.637.500.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26	155.000.000.000	350.856.572.884
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>141.289.613.711</b>	<b>(1.729.472.787.485)</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ CÔNG TY CON

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Mã số</i>	<i>Năm 2009</i>	<i>Năm 2008</i>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của CSH	31	-	1.143.600.000.000
2. Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại cổ phần của DN	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.090.200.343.435	1.219.234.519.225
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(542.378.366.422)	(809.615.333.795)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(20.699.850.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<b>40</b>	<b>547.821.977.013</b>	<b>1.532.519.335.430</b>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</i>	<b>50</b>	<b>(185.303.157.664)</b>	<b>(232.815.775.765)</b>
<i>Tiền tồn đầu kỳ</i>	<b>60</b>	<b>195.500.479.599</b>	<b>428.316.255.364</b>
<i>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</i>	<b>61</b>	-	-
<i>Tiền tồn cuối kỳ</i>	<b>70</b>	<b>10.197.321.935</b>	<b>195.500.479.599</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO



Tổng Giám đốc

NGUYỄN DUY HÙNG



## I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

### 1. Đặc điểm hoạt động của Công ty

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty cổ phần

#### Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại, dịch vụ, xây dựng, sản xuất

#### Ngành nghề kinh doanh

- Đầu tư xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp và dân dụng; Hoạt động vận tải trên các tuyến đường thủy nội địa và quốc tế; Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm dầu khí; Cung cấp vật tư thiết bị máy móc tổng hợp cho nhu cầu sản xuất và tiêu dùng; Đại lý khai thác dịch vụ và hoa tiêu hàng hải; Dịch vụ đại lý tàu biển, đại lý vận tải đường biển; Môi giới hàng hải; Cung ứng tàu biển và dịch vụ lai dắt tàu biển; Sang chiết gas; Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu dân cư, khu công nghiệp, cầu cảng, kho bãi; Môi giới bất động sản, kinh doanh nhà; Kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa, quốc tế; Hoạt động các câu lạc bộ thể hình, nhip diệp, bơi lội, thể thao dưới nước, đua thuyền, sân gôn, quần vợt; Kinh doanh câu lạc bộ giải trí, trò chơi điện tử hồ bơi, câu cá, bãi biển (không hoạt động tại Thành phố Hồ Chí Minh); Phá dỡ tàu cũ, mua bán sắt thép phế liệu (không mua bán phế liệu tại trụ sở); Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh nhà hàng, ăn uống, khách sạn (không kinh doanh nhà hàng, khách sạn tại trụ sở); Đào tạo nghề, dịch vụ giới thiệu việc làm; Kinh doanh vận chuyển hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Tư vấn đầu tư, quản lý kinh doanh ( trừ tư vấn tài chính, kế toán); Lập dự án đầu tư, thẩm tra thiết kế kỹ thuật.

#### **Đặc điểm hoạt động kinh doanh của công ty trong năm kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo Tài chính**

Do ảnh hưởng của tình hình suy thoái kinh tế, giá cước vận chuyển tàu giảm mạnh, dẫn đến tình hình kinh doanh của công ty bị lỗ trong năm 2009.

### 2. Đặc điểm hoạt động của các Công ty con tại ngày kết thúc niên độ

**Công ty TNHH một thành viên kinh doanh Dầu khí phương Bắc Vinashin:** là công ty với 100% vốn của công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0204000429 ngày 16 tháng 10 năm 2007. Hoạt động chính của công ty là sản xuất dầu mỏ tinh chế, các sản phẩm khí đốt hoá lỏng; đại lý gas và bán buôn xăng dầu, khí đốt hoá lỏng; vận tải; dịch vụ đại lý vận tải đường biển.

Địa chỉ: Tầng 8 Nhà khách Hải quân, Số 5 Lý Tự Trọng, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng.

**Công ty TNHH 1 thành viên vận tải biển Nam Việt:** là công ty với 100% vốn của công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin, được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104005100 ngày 18 tháng 06 năm 2008 do sở kế hoạch và đầu tư TP.HCM cấp.

Ngày 15 tháng 08 năm 2008, công ty được công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin tiến hành bàn giao vốn và chính thức đi vào hoạt động.

Hoạt động chính của công ty là vận tải các sản phẩm hoá dầu bằng tàu biển, xe chuyên dùng; vận tải hành khách bằng xe taxi, vận tải hàng hoá bằng đường bộ, viễn dương, thủy nội địa; đại lý tàu biển hàng hải; dịch vụ vận tải đường thủy, sửa chữa và bảo phương tiện vận tải ( trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ ).

Địa chỉ: Số 1-5 Lê Duẩn Tòa nhà Dầu khí Việt Nam, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh.

**Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd.:** là công ty với 70% vốn của công ty CP đầu tư và vận tải dầu khí Vinashin, được chấp nhận theo giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 275/BKH-ĐTRNN ngày 03 tháng 09 năm 2009 do Bộ kế hoạch và đầu tư cấp.

Địa chỉ: Tầng 25 toà nhà JTC Summit HQ Building, 8 Jurong Town Hall Road, Singapore 609434.

Thời gian đầu tư là 50 năm, trong đó, tháng thứ 1 và tháng thứ 2 hoàn thành thủ tục đầu tư và chuẩn bị văn phòng, tháng thứ 3 bắt đầu triển khai hoạt động tại Singapore.

**THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**3. Tổng số các công ty con**

- Số lượng các công ty con được hợp nhất: 2 công ty
- Số lượng các công ty con không được hợp nhất trong năm: 2 công ty

Tên công ty: Công ty Trust Maritime Services Pte Ltd

Địa chỉ: Tầng 25 toà nhà JTC Summit HQ Building, 8 Jurong Town Hall Road, Singapore 609434.

Tỉ lệ góp vốn của công ty mẹ: 70%.

Lý do không hợp nhất: Công ty con mới đi vào hoạt động trong thời gian dưới 3 tháng. Báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con trong năm hoạt động đầu tiên kể từ ngày mới thành lập sẽ được hợp nhất vào báo cáo của công ty trong năm 2010.

Tên công ty: Công ty Cổ phần lọc hoá dầu Nam Việt.

Địa chỉ: B1-05 Khu phố Mỹ Văn, Phường Tân Phú, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh

Tỉ lệ góp vốn của công ty mẹ tại ngày đầu năm: 51%, tại ngày 31/12/2009: 0%

Lý do không hợp nhất: Trong năm 2009, Công ty Shinpetrol đã bán phần vốn trong công ty con là công ty Cổ phần lọc hoá dầu Nam Việt. Quyền kiểm soát của công ty mẹ đã chấm dứt trong quý 2 năm 2009.

**II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

*Niên độ kế toán*

Niên độ kế toán của Công ty và các công ty con bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

*Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán*

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

**III. CHUẨN MỰC KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng hệ thống chế độ kế toán Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15 TC/QĐ/CĐKT, ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

*Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận. Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính và chuẩn mực số 25 - Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính đã lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

*Hình thức kế toán áp dụng*

Nhật ký chứng từ

**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

*Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất của công ty bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Công ty và các Công ty con. Vốn chủ sở hữu và lợi nhuận thuần được phân phối cho các chủ sở hữu không có quyền kiểm soát, được thể hiện riêng biệt trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Các báo cáo được lập trên cơ sở dồn tích. Các chính sách kế toán của Công ty và Công ty con áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong các năm trước.

Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất bao gồm cả kết quả hoạt động của các Công ty con đã mua hoặc thanh lý trong năm tính từ ngày mua hoặc đến ngày thanh lý.

Toàn bộ các tài khoản và các nghiệp vụ giao dịch trong nội bộ tập đoàn đã được loại trừ.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và phương pháp chuyển đổi ngoại tệ**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VNĐ) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên Ngân hàng vào ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Tỷ giá quy đổi để sử dụng tại thời điểm ngày 31/12/2009: 17.941 VNĐ/USD

**Chính sách kế toán hàng tồn kho**

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc - bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại - trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng lỗi thời.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Phương pháp nhập trước xuất trước.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: dựa vào đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc ban giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

**Ghi nhận và khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:



THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

<i>Loại tài sản</i>	<i>Số năm khấu hao</i>
Máy móc thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	07 - 15
Trang thiết bị văn phòng	03 - 07

**Ghi nhận và khấu hao TSCĐ vô hình**

Thương hiệu Vinashin được ghi nhận là TSCĐ vô hình, là giá trị do cổ đông Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy Việt Nam góp vốn theo thỏa thuận thành lập công ty. Thời gian khấu hao là 20 năm.

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ....

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 3 năm.

**Ghi nhận Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng tài sản và thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng cơ bản dở dang.

**Kế toán các khoản đầu tư tài chính**

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư vào công ty con:

Các Công ty được xem là công ty con của công ty khi công ty nắm quyền kiểm soát tại các công ty này. Quyền kiểm soát được xác lập khi công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết ở công ty con để có quyền kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty đó.

Khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo phương pháp giá gốc trong báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ.

- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư khác: Các khoản đầu tư khác được thể hiện theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua phát sinh liên quan.

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời.

**Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay**

Chi phí vay được ghi nhận như khoản chi phí trong năm khi phát sinh, ngoại trừ khi chi phí này phát sinh từ các khoản vay cho xây dựng tài sản dở dang trong quá trình đầu tư xây dựng, trong trường hợp đó chi phí vay phát sinh trong giai đoạn xây dựng thì sẽ được vốn hóa như một khoản nguyên giá của tài sản này. Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

**Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác**

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được ghi nhận theo giá gốc.

**Ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong năm.

**Ghi nhận các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước ngắn hạn phản ánh chi phí công cụ dụng cụ và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 12 tháng.

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh chi phí vỏ bình gas thực tế đã phát sinh, nhưng có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán nên chưa thể tính hết vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này mà được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian từ 60 tháng đến 144 tháng.

**Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các quỹ: căn cứ vào điều lệ công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế, riêng thuế suất của hoạt động vận tải là 20%. Công ty được miễn, giảm thuế TNDN theo nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ về " Quy định chi tiết thi hành luật thuế TNDN".

Chi phí thuế TNDN trong năm bao gồm thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp, và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế, và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

Khi bán hàng hóa thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền và chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	31/12/2009	01/01/2009
<b>1. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>		
Tiền mặt tại quỹ	1.835.458.824	2.606.085.617
Tiền gửi Ngân hàng	8.361.863.111	192.894.393.982
- Tiền gửi bằng Việt Nam đồng	8.009.671.116	69.534.230.145
- Tiền gửi bằng ngoại tệ	352.191.995	123.360.163.837
Tiền đang chuyển	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.197.321.935</b>	<b>195.500.479.599</b>
<b>2. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		
Phải thu khách hàng	22.803.653.537	20.106.483.851
Công ty kinh doanh sản phẩm khí	-	2.132.251.819
Công ty TNHH MTV Tổng công ty CNTT Nam Triệu	3.690.683.798	2.735.310.492
Công ty TNHH dầu khí Mêkong	-	1.277.076.600

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Công ty CP kinh doanh dầu khí Bình Phước		354.809.097	-
Công ty CP vận tải biển TM châu Á Thái Bình Dương		-	647.900.000
Công ty TNHH Quyết Hoàng		-	534.873.096
Công ty CP Dầu khí Miền Nam		5.231.278	29.330.695
Công ty CP Minh Phước Quang		1.389.443.499	1.390.173.904
Công ty TNHH MTV vận tải Nhật Việt		594.410.220	-
Công ty TNHH Thành Vinh Phú		489.554.416	-
Công ty TNHH miền đông Đà Lạt		388.196.420	-
Công ty CP năng lượng Đất Việt		1.915.859.030	
Nguyễn Thị Thu Hiền- tổng đại lý Nam Long		1.408.219.788	
Công ty CP khí đốt Thái Dương		1.186.175.528	
Công ty Công nghiệp tàu thủy Ngô Quyền		2.995.709.321	2.995.709.321
Công ty TNHH Vạn Lộc		16.257.324	1.116.265.085
Các khách hàng khác		8.369.103.818	7.247.592.839
<b>Trả trước cho người bán</b>		<b>655.561.233.620</b>	<b>666.249.943.910</b>
Tập đoàn công nghiệp tàu thủy		319.100.000.000	319.100.000.000
Công ty TNHH Nhà nước một thành viên đóng tàu Bạch Đằng		55.642.117.500	55.642.117.500
Công ty CP đầu tư và xây dựng giao thông Hồng Lĩnh		54.000.000.000	54.000.000.000
Công ty TNHH một thành viên công nghiệp tàu thủy Dung Quất		54.212.144.790	54.212.144.790
Công ty TNHH một thành viên đóng tàu Cam Ranh		130.065.724.524	129.565.724.524
Chi nhánh Công ty CP ĐT TM Bắc Hà - XN Xây dựng Hà Nội		300.000.000	5.000.000.000
Công ty CP hóa dầu công nghiệp cao Hi-Pec		6.072.941.624	6.072.941.624
Công ty TNHH Hướng Minh		4.839.562.768	4.839.562.768
Công ty TNHH Công nghiệp khí hóa lỏng		-	1.884.127.519
Công ty CP Đầu tư Minh Khang		-	9.400.000.000
Công ty CP CN tàu thủy và xây dựng Hồng Bàng		-	5.909.049.000
Wilhelmsen Ship Management Ltd.		-	2.912.209.543
Penavico Shanghai Pudong Co., Ltd.		-	1.706.916.120
Các khách hàng khác		31.328.742.414	16.005.150.522
<b>Phải thu khác</b>		<b>16.476.895.995</b>	<b>26.108.596.398</b>
Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy	(1)	1.923.432.036	5.377.460.250
Công ty cổ phần vận tải biển Đại Hải		393.089.008	393.089.008
Công ty cổ phần lọc hóa dầu Nam Việt	(2)	1.881.991.269	21.075.547
Tiền đặt cọc	(3)	8.752.751.900	8.752.751.900
Công ty Bảo hiểm dầu khí Sài Gòn		-	9.266.630.899
Khoản phải thu khác		3.525.631.782	2.297.588.794
<b>Tổng các khoản phải thu thương mại và phải thu khác</b>		<b>694.841.783.152</b>	<b>712.465.024.159</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	(3)	(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<b>Giá trị thuần của phải thu thương mại và phải thu khác</b>		<b>688.841.783.152</b>	<b>706.465.024.159</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

(1) Phải thu khác của công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy là:

Khoản tiền góp vốn còn phải thu của công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy để đầu tư xây dựng khu đô thị, thương mại và dịch vụ tại Vĩnh Phúc : 1.923.432.036 VNĐ.

(2) Cổ tức và các khoản phải thu của công ty TNHH một thành viên Lọc hóa dầu Nam Việt.

(3) Khoản tiền đặt cọc cho tòa án ở Tp. Durban, Nam Phi để giải phóng tàu Asean sea 01. Trong năm 2007, công ty đã tiến hành lập dự phòng khoảng 70% số tiền liên quan đến việc giải phóng tàu Asean sea 01

3. Hàng tồn kho	31/12/2009	01/01/2009
Nguyên vật liệu tồn kho	30.657.374.834	59.426.282.512
Công cụ, dụng cụ trong kho	7.468.082.734	4.430.540.655
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	13.042.104.128
Hàng hóa tồn kho	11.362.828.904	22.971.904.308
<b>Giá gốc của hàng hóa tồn kho</b>	<b>49.488.286.472</b>	<b>99.870.831.603</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.117.530.030)
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.</b>	<b>49.488.286.472</b>	<b>97.753.301.573</b>

4. Tài sản ngắn hạn khác	31/12/2009	01/01/2009
Chi phí trả trước ngắn hạn	1.972.352.142	2.050.713.282
<i>Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ</i>	<i>190.639.158</i>	<i>1.830.784.267</i>
<i>Chi phí chờ phân bổ khác</i>	<i>1.781.712.984</i>	<i>219.929.015</i>
Thuế GTGT còn được khấu trừ	21.581.165.744	41.583.539.260
Thuế thu nhập nộp thừa	-	1.982.726.771
Tài sản ngắn hạn khác	1.916.328.434	2.966.765.786
<i>Tạm ứng</i>	<i>1.760.795.905</i>	<i>2.819.826.480</i>
<i>Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn</i>	<i>155.532.529</i>	<i>146.939.306</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>25.469.846.320</b>	<b>48.583.745.099</b>

5. Tài sản cố định

5.1 Tài sản cố định hữu hình

	01/01/2009	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	31/12/2009
Nguyên giá				
Nhà cửa vật kiến trúc	15.888.110.971	9.707.602.738	15.951.159.401	9.644.554.308
Máy móc thiết bị	109.093.094.533	1.071.992.993	107.744.972.530	2.420.114.996
Phương tiện vận tải	2.439.292.942.680	79.836.313.424	20.928.346.410	2.498.200.909.694
Thiết bị quản lý	1.615.860.116	19.285.222	498.420.279	1.136.725.059
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.565.890.008.300</b>	<b>90.635.194.377</b>	<b>145.122.898.620</b>	<b>2.511.402.304.057</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

	<u>01/01/2009</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>31/12/2009</u>
<b>Khấu hao tích lũy</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	716.738.025	981.522.821	769.278.383	928.982.463
Máy móc thiết bị	8.012.627.296	307.735.031	7.323.221.590	997.140.737
Phương tiện vận tải	277.917.711.330	166.246.036.185	5.872.999.632	438.290.747.883
Thiết bị quản lý	564.535.579	270.746.016	183.215.624	652.065.971
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>287.211.612.230</u></b>	<b><u>167.806.040.053</u></b>	<b><u>14.148.715.229</u></b>	<b><u>440.868.937.054</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Nhà cửa vật kiến trúc	15.171.372.946			8.715.571.845
Máy móc thiết bị	101.080.467.237			1.422.974.259
Phương tiện vận tải	2.161.375.231.350			2.059.910.161.811
Thiết bị quản lý	1.051.324.537			484.659.088
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>2.278.678.396.070</u></b>			<b><u>2.070.533.367.003</u></b>

\* Giá trị còn lại cuối kỳ của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 2.068.624.230.566 VND.

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 201.897.305 VND

\* Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ chờ thanh lý: 0 VND.

\* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không.

5.2 Tài sản cố định vô hình

	<u>01/01/2009</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>31/12/2009</u>
<b>Nguyên giá</b>				
Phần mềm kế toán	487.000.000	-	-	487.000.000
Thương hiệu Vinashin	10.000.000.000	-	-	10.000.000.000
Chi phí đền bù mua nhà máy (Nam Việt Oil)	11.025.171.263	-	11.025.171.263	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>21.512.171.263</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>11.025.171.263</u></b>	<b><u>10.487.000.000</u></b>
<b>Khấu hao tích lũy</b>				
Phần mềm kế toán	393.944.443	34.000.000	-	427.944.443
Thương hiệu Vinashin	3.083.333.347	500.000.010	-	3.583.333.357
Chi phí đền bù mua nhà máy (Nam Việt Oil)	379.921.295		379.921.295	-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.857.199.085</u></b>	<b><u>534.000.010</u></b>	<b><u>379.921.295</u></b>	<b><u>4.011.277.800</u></b>
<b>Giá trị còn lại</b>				
Phần mềm kế toán	93.055.557			59.055.557
Thương hiệu Vinashin	6.916.666.653			6.416.666.643
Chi phí đền bù mua nhà máy (Nam Việt Oil)	10.645.249.968			-
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>17.654.972.178</u></b>			<b><u>6.475.722.200</u></b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

<b>6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Mua sắm tài sản cố định	749.738.428	27.517.821.664
Xây dựng cơ bản dở dang	335.443.043.458	293.945.754.702
<i>Dự án xây dựng khu đô thị golf Mê Linh - Vĩnh Phúc</i>	91.664.016.730	90.364.977.126
<i>Dự án Tổng kho Đình Vũ</i>	76.410.810.291	60.350.377.026
<i>Dự án đóng tàu hàng rời 54.000 DWT</i>	77.640.942.948	71.922.647.740
<i>Dự án đóng 2 tàu hàng rời 22.500 DWT</i>	37.590.845.738	21.112.253.007
<i>Dự án kho nhà bè- Quận khu 7</i>	16.018.695.057	16.018.695.057
<i>Bồn LPG</i>	8.949.089.298	8.909.580.393
<i>Cụm công nghiệp Tàu thủy - Long An</i>	7.507.518.933	7.500.775.569
<i>Dự án khu dịch vụ giải trí tổng hợp phục vụ KCN &amp; cảng Cái Lân</i>	15.051.580.410	15.033.904.410
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác</i>	4.609.544.053	2.732.544.374
Sửa chữa lớn TSCĐ	170.189.738.718	110.333.182.443
<b>Tổng cộng</b>	<b>506.382.520.604</b>	<b>431.796.758.809</b>
<b>7. Vay và nợ ngắn hạn</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Vay ngân hàng	208.704.588.631	105.631.574.014
<i>Ngân hàng BIDV - Bắc Hà Nội</i>	63.361.954.085	4.500.000.000
<i>Ngân hàng BIDV - Sở giao dịch 2</i>	127.492.612.359	93.631.574.014
<i>Ngân hàng TMCP quân đội</i>	4.958.398.869	7.500.000.000
<i>Ngân hàng TM Quốc tế Việt Nam -CN Nam Sài Gòn</i>	12.891.623.318	-
Vay các tổ chức cá nhân khác	79.635.983.707	50.446.283.646
<i>Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam</i>	79.635.983.707	45.463.283.646
<i>Công ty khác</i>	-	4.983.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>288.340.572.338</b>	<b>156.077.857.660</b>
<b>8. Phải trả người bán</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<i>Dakanave Chantiers Navas</i>	5.293.354.648	-
<i>Công ty công nghiệp tàu thủy Nam Triệu</i>	1.198.056.227	1.198.056.227
<i>Bunker Fuels</i>	-	2.695.649.538
<i>Công ty TNHH Petronas Việt Nam</i>	-	11.507.543.557
<i>Công ty TNHH Sigma Yung Chi Coating</i>	2.901.651.565	-
<i>Công ty CP SX DV TM XD Thành Tài Long An</i>	1.182.053.985	-
<i>Công ty BH dầu khí Sài Gòn</i>	2.948.236.796	-
<i>Qingdao Beihai Shipbuilding</i>	1.765.878.807	5.016.960.000
<i>Công ty năng lượng Bình An</i>	2.216.074.206	2.889.558.651
<i>Cty CP kinh doanh khí hoá lỏng miền bắc</i>	9.081.655.848	3.866.931.956

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VNĐ

<i>Chi nhánh công ty CP dầu khí Thái Bình Dương</i>	-	12.999.780.000
<i>Công ty Cổ phần đầu tư phát triển gas đô thị</i>	12.007.796.300	-
<i>Công ty XNK Vinashin</i>	2.512.352.103	2.512.352.103
<i>Shanghai Shipyard</i>	-	16.950.531.000
<i>Longshan Shipyard</i>	6.297.291.000	-
<i>Chengxi Shipyard</i>	8.036.090.800	-
<i>Liberty sea corporation</i>	-	592.125.056.100
<i>Công ty kinh doanh sản phẩm khí</i>	15.016.012.691	6.860.513.723
<i>Tramp Maritime Enterprises limited</i>	4.597.344.417	1.121.743.132
<i>Các Công ty khác</i>	21.656.307.511	17.192.462.849
<b>Tổng cộng</b>	<b>96.710.156.904</b>	<b>676.937.138.836</b>
<b>9. Người mua trả tiền trước</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
<i>Khách hàng của công ty TNHH ITV dầu khí Phương Bắc Vinashin</i>	196.118.126	145.119.130
<i>Khách hàng của công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin</i>	975.894.967	65.356.128
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.172.013.093</b>	<b>210.475.258</b>
<b>10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Thuế GTGT (*)	-	-
Thuế TNDN	10.371.123.461	20.290.066.522
Thuế thu nhập cá nhân	512.490.151	296.527.552
<b>Tổng cộng</b>	<b>10.883.613.612</b>	<b>20.586.594.074</b>
(*) Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế GTGT đầu ra như sau:		
Hoạt động kinh doanh gas	10%	
Hoạt động vận tải nội địa	5%	
Hoạt động vận tải quốc tế	0%	
Riêng hoạt động bán tàu do không nhập khẩu vào Việt Nam nên không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.		
<b>11. Chi phí phải trả</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Chi phí lãi vay	34.345.829.753	9.590.850.334
Chi phí cho các tàu	7.997.840.257	3.183.417.900
Chi phí phải trả khác	-	1.235.282.937
<b>Tổng cộng</b>	<b>42.343.670.010</b>	<b>14.009.551.171</b>
<b>12. Phải trả phải nộp khác</b>	<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Phải trả ngắn hạn khác	4.432.840.980	8.445.140.284
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	1.146.756.606	876.677.239
Công ty P&P	2.515.000.000	-
Nguyễn Quang Tùng	-	1.723.019.990
Công ty liên doanh Total gas Hải Phòng	-	1.062.694.000
Phải trả ngắn hạn khác	771.084.374	4.782.749.055



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Phải trả dài hạn khác		<b>58.710.469.010</b>	<b>56.683.747.721</b>
Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy	(*)	30.000.000.000	30.000.000.000
Nhận ký quỹ dài hạn	(**)	28.710.469.010	26.683.747.721
<b>Tổng cộng</b>		<b>63.143.309.990</b>	<b>65.128.888.005</b>

(\*) Khoản góp vốn của công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy để đầu tư xây dựng khu đô thị, thương mại và dịch vụ tại Vĩnh Phúc theo hợp đồng góp vốn đầu tư số 01/VNS-Shinpetrol-VFC ngày 16 tháng 08 năm 2004 giữa công ty với công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy.

(\*\*) Khoản tiền đại lý ký quỹ vỏ bình gas.

<b>13. Vay và nợ dài hạn</b>		<b>31/12/2009</b>	<b>01/01/2009</b>
Vay ngân hàng	(*)	<b>1.379.935.294.803</b>	<b>727.879.686.178</b>
Ngân hàng BIDV - Bắc Hà Nội		279.870.266.988	266.031.279.928
Ngân hàng BIDV - Sở giao dịch 2		569.963.143.751	88.376.406.250
Ngân hàng TMCP quốc tế Việt Nam		160.747.012.838	-
Ngân hàng TMCP Hàng hải VN		-	2.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á		369.354.871.226	370.972.000.000
Vay các tổ chức cá nhân khác	(**)	<b>144.725.342.331</b>	<b>169.770.000.000</b>
Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy		144.725.342.331	169.770.000.000
Nợ dài hạn		<b>249.436.869.488</b>	<b>419.279.350.376</b>
Công ty Tài chính Công nghiệp tàu thủy		249.436.869.488	419.279.350.376
<b>Tổng cộng</b>		<b>1.774.097.506.622</b>	<b>1.316.929.036.554</b>

(\*) Các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng để đầu tư tài sản cố định. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

(\*\*) Khoản vay công ty tài chính Công nghiệp tàu thủy từ nguồn vốn vay trái phiếu quốc tế theo lãi suất từng lần giải ngân.

**14. Vốn chủ sở hữu**

**14.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu	Vốn đầu tư của Chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	40.000.000.000	-	17.958.113.960	52.664.043.103
- Tăng vốn năm trước	118.700.000.000	1.045.600.000.000	-	(20.700.000.000)
- Lợi nhuận năm trước	-	-	-	297.495.797.771
- Trích lập các quỹ	-	-	43.779.639.298	(78.803.350.736)
- Chia cổ tức năm trước	-	-	-	(20.699.850.000)
<b>Số dư cuối năm trước</b>	<b>158.700.000.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>61.737.753.258</b>	<b>229.956.640.138</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN VÀ CÔNG TY CON

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Số dư đầu năm nay	158.700.000.000	1.045.600.000.000	61.737.753.258	229.956.640.138
- Tăng vốn năm nay	7.900.000.000	-	-	
- Lợi nhuận năm nay	-	-	-	(359.595.102.457)
- Giảm lợi nhuận của cty CP lọc hoá dầu Nam Việt	-	-	-	(1.605.154.018)
- Bù lỗ theo quyết định HĐQT	-	-	(30.356.956.851)	60.356.956.851
- Chia cổ tức năm trước	214.244.890.000	-	-	(214.244.890.000)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>380.844.890.000</b>	<b>1.045.600.000.000</b>	<b>31.380.796.407</b>	<b>(285.131.549.486)</b>

14.2 Cổ phiếu	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.084.489	15.870.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.084.489	15.870.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.084.489	15.870.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.084.489	15.870.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.084.489	15.870.000
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành : 10.000VNĐ/ cổ phiếu

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

I. Doanh thu

	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán hàng hóa	173.147.350.127	288.567.939.368
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận tải	307.531.457.607	997.859.335.111
Doanh thu bán tàu	24.914.933.333	223.270.000.000
Doanh thu khác	7.018.958.590	113.282.103.963
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>512.612.699.657</b>	<b>1.622.979.378.442</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	89.386.509
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>512.612.699.657</b>	<b>1.622.889.991.933</b>

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

2. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
Thu lãi tiền gửi	799.117.251	8.203.719.830
Lãi (lỗ) chênh lệch tỉ giá	11.589.076.036	18.430.521.818
Lợi nhuận từ bán phần vốn trong công ty CP lọc hoá dầu Nam Việt	53.000.000.000	
Lãi đầu tư ngắn hạn	18.414.411.944	
Cổ tức	1.857.272.663	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	198.442.223	1.283.333.667
<b>Tổng cộng</b>	<b>85.858.320.117</b>	<b>27.917.575.315</b>

3. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn của hàng hóa	153.405.503.803	276.458.214.069
Giá vốn của dịch vụ vận tải đã cung cấp	592.375.502.024	589.559.093.680
Giá vốn bán tàu	12.930.023.391	133.584.696.688
Giá vốn khác	-	91.841.285.625
<b>Tổng cộng</b>	<b>758.711.029.218</b>	<b>1.091.443.290.062</b>

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí lãi tiền vay	141.088.448.070	136.423.998.506
Lỗ do chênh lệch tỉ giá	20.762.716.272	27.627.510.529
Chi phí tài chính khác	-	3.992.602
<b>Tổng cộng</b>	<b>161.851.164.342</b>	<b>164.055.501.637</b>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

a) Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: không phát sinh

b) Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: Công ty CP Lọc hoá dầu Nam Việt

Tổng giá trị thanh lý: 155.000.000.000 VNĐ

Phần giá trị thanh lý được thanh toán bằng tiền và các khoản tương đương tiền: 155.000.000.000 VNĐ

Số tiền và các khoản tương đương tiền thực có trong công ty con được thanh lý: 479.496.985 VNĐ

Phần giá trị tài sản và nợ phải trả không phải là tiền và các khoản tương đương tiền trong công ty con được thanh lý trong kỳ:

Các khoản phải thu ngắn hạn: 8.256.302.525 VNĐ

Hàng tồn kho: 44.718.478.495 VNĐ

Tài sản ngắn hạn khác: 6.423.495.517 VNĐ

Tài sản dài hạn: 129.662.577.662 VNĐ

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Nợ phải trả: 11.406.856.873 VNĐ

c) Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: không phát sinh

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

Tháng 3 năm 2006 tàu Asean Sea 01 của Công ty đã bị chính quyền thành phố Durban, Nam Phi giam giữ do liên quan đến một vụ tranh chấp vận chuyển với đối tác nước ngoài. Công ty đã đặt cọc một số tiền có giá trị là 510.000 USD cho tòa án ở TP. Durban, Nam Phi để giải phóng tàu, đồng thời đang tiến hành thủ tục khởi kiện đối tác nước ngoài này.

Nhằm đảm bảo cho sự bình ổn giá cả cổ phiếu và dự phòng biến động chi phí, trong năm 2007, Công ty đã trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27 tháng 02 năm 2006 vào khoảng 70% khoản tiền chuyển bảo lãnh tại hiệp hội bảo hiểm các chủ tàu WOE để giải phóng tàu Asean Sea 01. Số trích lập cụ thể là 6.000.000.000 đồng.

2. Thông tin về các bên liên quan

Giao dịch với các bên liên quan trong kỳ gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Phát sinh trong kỳ	Phải thu / (phải trả) cuối kỳ
Tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam	Cổ đông lớn	Vay ngắn hạn Ứng trước tiền hàng	34.172.700.061 -	(79.635.983.707) 319.100.000.000
Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy Việt Nam	Công ty con của tập đoàn công nghiệp tàu thủy Việt Nam	Vay dài hạn Trả tiền vay Nhận vốn góp XD khu TM & DV Vĩnh Phúc	11.857.286.783 36.974.425.340	(394.162.211.819) (28.076.567.964)

3. Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước): không phát sinh

4. Thông tin về hoạt động liên tục: công ty vẫn tiếp tục các hoạt động của mình trong tương lai

Chỉ tiêu	31/12/2009	01/01/2009
Khả năng thanh toán hiện hành	0,34	0,49
Khả năng thanh toán nhanh	0,02	0,28
	Năm 2009	Năm 2008
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	(874.414.748.388)	(35.862.323.710)

Các chỉ số về khả năng thanh toán nhỏ hơn 0,5 và luồng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm đã cho thấy Công ty vẫn còn gặp khó khăn trong việc thanh toán trong điều kiện kinh doanh bình thường.

Ban Tổng Giám Đốc đã có Bảng đánh giá về khả năng tiếp tục hoạt động của Công ty và các kế hoạch duy trì và phát triển hoạt động của Công ty như sau:

1. Khả năng thanh toán hiện hành và khả năng thanh toán nhanh tại thời điểm 31/12/2009 là rất thấp. Tuy nhiên Ban Tổng Giám Đốc đã có kế hoạch duy trì luồng tiền đầu tư nhờ vào việc áp dụng các biện pháp:

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

- Thỏa thuận điều chỉnh lịch thanh toán và giãn nợ vay của Ngân hàng, các tổ chức tín dụng và Công ty Tài chính công nghiệp tàu thủy Việt Nam.
  - Tìm kiếm các nguồn vốn mới như vay vốn thêm các ngân hàng trong thời gian trung hạn.
  - Kết hợp với nhà quản lý tại Singapore đầu tư thành lập công ty Trust Maritime để kiểm soát và giảm bớt chi phí đội tàu và thực hiện các hoạt động khác nhằm đem lại lợi nhuận cho công ty.
2. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2009 bị lỗ dẫn đến luồng tiền từ hoạt động kinh doanh bị âm nhiều do bị ảnh hưởng khủng hoảng kinh tế thế giới trong năm 2009, giá cước giảm sâu hơn 80% so với năm 2008. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đã ký được những hợp đồng mới với giá cước phí vận chuyển trong những tháng đầu năm 2010 đã tăng từ 20% đến 25% so với năm 2009. Điều này sẽ làm tăng doanh thu từ hoạt động vận chuyển tàu và tăng luồng tiền từ hoạt động kinh doanh.
3. Ban Tổng giám đốc đã kêu gọi hợp tác đầu tư và sẽ bán một số dự án bất động sản để tăng luồng tiền đảm bảo duy trì hoạt động của công ty
4. Công ty không có bất kỳ vụ kiện tụng nào trong và ngoài nước mà có thể dẫn đến các khoản phải thanh toán trong thời gian tới.
5. Công ty có dự định tăng vốn đầu tư từ nguồn thặng dư vốn cổ phần trong năm 2010.

5. Thông tin khác

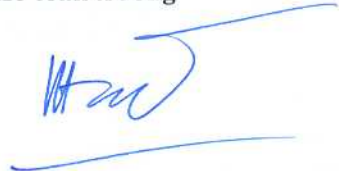
Công ty con có vốn đầu tư 100% từ công ty CP Đầu tư vận tải dầu khí Vinashin là công ty TNHH Một thành viên vận tải biển Nam Việt tiến hành thủ tục giải thể theo quyết định số 124/QĐ-Shinpetrol ngày 14/01/2010 của HĐQT. Toàn bộ tài sản, nhân sự chuyển về công ty CP Đầu tư và Vận tải dầu khí Vinashin kể từ ngày 14/01/2010.

6. Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Đơn vị tính</u>	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
<b>*Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>			
<b>- Bố trí cơ cấu tài sản</b>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	22,34	47,36
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	77,66	52,64
<b>- Bố trí cơ cấu nguồn vốn</b>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	65,93	95,17
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	34,07	4,83
<b>*Khả năng thanh toán</b>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	0,34	0,49
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,71	1,24
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,02	0,28

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ	Thuyết minh	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
<b>A TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>1.137.944.085.961</b>	<b>1.190.661.947.404</b>
<i>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	<i>110</i>	<i>V.1</i>	<i>2.982.885.223</i>	<i>179.770.492.574</i>
1. Tiền	111		2.982.885.223	179.770.492.574
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<i>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</i>	<i>120</i>	<i>V.2</i>	<i>-</i>	<i>47.500.000.000</i>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	47.500.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán, đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<i>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</i>	<i>130</i>	<i>V.3</i>	<i>1.078.551.077.870</i>	<i>944.092.157.196</i>
1. Phải thu khách hàng	131		3.437.376.979	2.024.112.508
2. Trả trước cho người bán	132		643.856.280.133	656.789.811.929
3. Phải thu nội bộ	133		422.345.458.757	276.098.125.686
4. Các khoản phải thu khác	138		14.911.962.001	15.180.107.073
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(6.000.000.000)	(6.000.000.000)
<i>IV. Hàng tồn kho</i>	<i>140</i>	<i>V.4</i>	<i>44.847.515.694</i>	<i>110.151.612</i>
1. Hàng tồn kho	141		44.847.515.694	110.151.612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<i>V. Tài sản ngắn hạn khác</i>	<i>150</i>	<i>V.5</i>	<i>11.562.607.174</i>	<i>19.189.146.022</i>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		919.834.153	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.090.842.046	18.547.399.171
3. Các khoản thuế phải thu	154		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		551.930.975	641.746.851
<b>B TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>2.690.954.488.671</b>	<b>2.641.949.116.159</b>
<i>I. Các khoản phải thu dài hạn</i>	<i>210</i>		<i>6.180.000</i>	<i>6.180.000</i>
1. Phải thu dài hạn khác	213		6.180.000	6.180.000
<i>II. Tài sản cố định</i>	<i>220</i>		<i>2.570.643.579.628</i>	<i>2.463.122.889.350</i>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<i>V.6.1</i>	2.058.701.785.183	2.159.222.562.241
- Nguyên giá	222		2.497.628.919.363	2.437.825.921.665
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(438.927.134.180)	(278.603.359.424)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	<i>V.6.2</i>	6.444.222.200	6.960.222.210
- Nguyên giá	228		10.433.000.000	10.433.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.988.777.800)	(3.472.777.790)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<i>V.7</i>	505.497.572.245	296.940.104.899

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ Thuyết minh	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>76.280.927.116</b>	<b>165.523.400.811</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	74.637.500.000	163.879.973.695
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	1.643.427.116	1.643.427.116
4. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn	259	-	-
<b>VI Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>44.023.801.927</b>	<b>13.296.645.998</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	40.242.616.874	12.796.645.998
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	3.781.185.053	500.000.000
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b><u>3.828.898.574.632</u></b>	<b><u>3.832.611.063.563</u></b>

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	Thuyết minh	31/12/2009	01/01/2009
<b>A NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>2.174.090.357.355</b>	<b>2.149.969.586.509</b>
<i>I. Nợ ngắn hạn</i>	<i>310</i>		<i>372.755.548.153</i>	<i>801.086.755.815</i>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8	280.340.572.338	145.331.097.690
2. Phải trả cho người bán	312	V.9	31.216.142.585	616.915.669.890
3. Người mua trả tiền trước	313	V.9	975.894.967	65.356.128
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.10	10.449.573.346	21.337.379.116
5. Phải trả công nhân viên	315		4.053.408.203	4.893.053.912
6. Chi phí phải trả	316	V.11	42.343.670.010	10.826.133.271
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.12	3.376.286.704	1.718.065.808
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
<i>II. Nợ dài hạn</i>	<i>330</i>		<i>1.801.334.809.202</i>	<i>1.348.882.830.694</i>
1. Phải trả dài hạn khác	333	V.12	38.338.662.480	42.092.255.000
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.13	1.762.961.532.937	1.306.727.066.240
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		34.613.785	63.509.454
<b>B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>1.654.808.217.277</b>	<b>1.682.641.477.054</b>
<i>I. Vốn chủ sở hữu</i>	<i>410</i>	<i>V.14</i>	<i>1.647.168.922.770</i>	<i>1.636.388.174.631</i>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		380.844.890.000	158.700.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.045.600.000.000	1.045.600.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		31.380.796.407	31.380.796.407
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	30.356.956.851
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		189.343.236.363	370.350.421.373
<i>II. Nguồn kinh phí, quỹ khác</i>	<i>430</i>		<i>7.639.294.507</i>	<i>46.253.302.423</i>
1. Quỹ khen thưởng phúc lợi	431		7.639.294.507	46.253.302.423
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>3.828.898.574.632</b>	<b>3.832.611.063.563</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN  
ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI  
DẦU KHÍ  
VINASHIN  
QUẬN 1 TP. HỒ CHÍ MINH


  
 NGUYỄN DUY HÙNG



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ VÀ VẬN TẢI DẦU KHÍ VINASHIN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Niên độ kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	<u>Năm 2009</u>	<u>Năm 2008</u>
1. Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ	01	VI.1	326.321.644.196	1.418.481.065.922
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần	10		326.321.644.196	1.418.481.065.922
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	258.971.513.349	771.252.094.265
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		67.350.130.847	647.228.971.657
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.2	82.273.894.964	24.583.640.801
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	146.188.074.937	158.655.483.835
Trong đó: chi phí lãi vay	23		130.178.379.326	131.461.198.624
8. Chi phí bán hàng	24		21.094.418.218	5.503.486.222
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.559.632.518	19.362.825.280
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh [30=20+(21-22)-(24+25)]	30		(33.218.099.862)	488.290.817.121
11. Thu nhập khác	31		8.776.774.796	62.906.606.939
12. Chi phí khác	32		6.948.722.953	65.194.436.758
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		1.828.051.843	(2.287.829.819)
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		(31.390.048.019)	486.002.987.302
15. Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		-	45.013.860.867
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(3.281.185.053)	2.203.122.351
17. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		(28.108.862.966)	438.786.004.084

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ HẢI TẠO

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 03 năm 2010

Tổng Giám đốc



NGUYỄN DUY HÙNG